



MOTOTRBO™

Trạm chuyển tiếp XiR 8200



Hỗ trợ **hai đường thoại hoặc dữ liệu đồng thời** ở chế độ Đa truy nhập Phân kênh theo thời gian (TDMA)

Tăng gấp đôi số người dùng trên một kênh tần số 12.5 kHz được cấp phép

Tích hợp thoại và dữ liệu để tăng hiệu quả vận hành

Vận hành ở chế độ **analog hoặc digital** – chế độ hiển thị bằng đèn LED màu rõ ràng

Tính năng **kết nối trạm IP** tùy chọn cho phép kết nối tối đa 15 bộ chuyển tiếp để mở rộng vùng phủ thoại và dữ liệu

Giám sát và quản lý trạm chuyển tiếp nhờ tiện ích chẩn đoán và điều khiển tùy chọn

100% chu kỳ vận hành liên tục ở mức công suất cao

Nguồn cung cấp **được tích hợp**

Gá lắp bằng giá hoặc treo tường; khách hàng có thể mua thêm vỏ máy đặt bàn nếu cần

Dự phòng bằng acquy **tự động** (acquy bán riêng)

Tăng cường hiệu quả hoạt động.

Đây là giải pháp liên lạc bộ đàm hai chiều chuyên nghiệp thế hệ kế tiếp với hiệu năng vận hành mạnh hơn, năng suất và giá trị cao hơn – đó chính là nhờ công nghệ số đã mang lại dung lượng và hiệu quả phổ tần số cao hơn, truyền thông dữ liệu được tích hợp và liên lạc thoại được tăng cường.

MOTOTRBO đem đến cho bạn một giải pháp cá nhân, dựa trên các tiêu chuẩn với hiệu quả kinh tế cao có thể được điều chỉnh để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt về vùng phủ sóng và tính năng mà bạn cần. Danh mục linh hoạt này sẽ cung cấp một hệ thống hoàn chỉnh bao gồm các máy bộ đàm cầm tay, máy bộ đàm cơ động, các trạm chuyển tiếp, các phụ kiện và các ứng dụng.

Chỉ tiêu kỹ thuật chung *

	XIR R8200		
	UHF		VHF
Dung lượng kênh	16		
Dải tần số	403-470 MHz	450-512 MHz	136-174 MHz
Kích cỡ (CaoxRộngxDày)	132.6 x 482.6 x 296.5 mm 5.22 x 19 x 11.67 in		
Điện áp yêu cầu	100 - 240 VAC, 13.6 VDC		
Trọng lượng	14 kg (31 lbs)		
Dòng tiêu thụ	1.0A (100 VAC), 0.5A (240 VAC)		
Chế độ chờ	4.0A (100 VAC), 1.8A (240 VAC)		
Chế độ phát	-30°C đến +60°C		
Dải nhiệt độ vận hành	100%		
Công suất vận hành liên tục tối đa	100%		
Mô tả FCC	1-25W: ABZ99FT4026 25-40W: ABZ99FT4025	1-40W: ABZ99FT4027	1-25W: ABZ99FT4026 25-40W: ABZ99FT4025

Máy thu

	403-470 MHz	450-512 MHz	136-174 MHz
Dải tần số			
Độ giãn cách kênh	12.5 kHz/ 25 kHz		
Độ ổn định tần số (-30° C, +60° C, +25° C)	+/- 0.5 ppm		
Độ nhạy chế độ Analog	0.3 uV (12 dB SINAD) 0.4 uV (20 dB SINAD) 0.22 uV (điển hình)		
Độ nhạy chế độ Digital	5% BER: 0.3 uV		
Điều chế giao thoa			
TIA603C	75 dB		
ETS	70 dB		
Độ chọn lọc kênh lân cận	60 dB @ 12.5 kHz 70 dB @ 25 kHz		
Loại trừ tín hiệu giả			
TIA603C	75 dB		80 dB
ETS	70 dB		70 dB
Độ méo âm tần ở mức danh định	3% (điển hình)		
Nhiều và tiếng rít	-40 dB @ 12.5 kHz -45 dB @ 25 kHz		
Đáp tuyến âm tần	+ 1, -3 dB		
Bức xạ tín hiệu giả được truyền dẫn	-57 dBm		

Máy phát

	403-470 MHz	450-512 MHz	136-174 MHz
Dải tần số			
Độ giãn cách kênh	12.5 kHz/ 25 kHz		
Độ ổn định tần số (-30° C, +60° C, +25° C)	+/- 0.5 ppm		
Công suất ra			
Loại công suất thấp	1-25W	1-40W	1-25W
Loại công suất cao	25-40 W		25-45 W
Giới hạn điều chế	+/- 2.5 kHz @ 12.5 kHz +/- 5.0 kHz @ 25 kHz		
Nhiều và tiếng rít FM	-40 dB @ 12.5 kHz -45 dB @ 25 kHz		
Bức xạ truyền dẫn/lan tỏa	-36 dBm < 1 GHz -30 dBm > 1 GHz		
Công suất kênh lân cận	-60 dB @ 12.5 kHz -70 dB @ 25 kHz		
Đáp tuyến âm tần	+1, -3 dB		
Độ méo âm tần	3%		
Điều chế FM	12.5 kHz : 11K0F3E 25 kHz: 16K0F3E		
Điều chế số 4FSK	12.5 kHz Chỉ dữ liệu: 7K60FXD 12.5 kHz Dữ liệu & Thoại: 7K60FXE		
Kiểu Vocoder kỹ thuật số	AMBE+2™		
Giao thức số	ETSI-TS102 361-1		

* Các chỉ tiêu kỹ thuật có thể thay đổi không cần báo trước. Toàn bộ các chỉ tiêu là giá trị điển hình. Máy bộ đảm bảo ứng các yêu cầu theo quy định.

Tuân theo

EC 1999/5/EC (R&TTE - Bộ đàm & thiết bị liên lạc đầu cuối)

EN 300 086

EN 300 113



MOTOROLA

www.motorola.com/governmentandenterprise

MOTOROLA và logo M cách điệu là thương hiệu của Motorola, Inc.

Tất cả các sản phẩm và tên dịch vụ khác thuộc sở hữu của các chủ sở hữu tương ứng.

©2009 Motorola. Bản quyền được bảo hộ.

AC3-02-007 Rev.3 (Viet)